

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ph

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thùy Tr

2. Ông Nguyễn Minh Đ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Tr thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh T, Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969;

Địa chỉ: số 256 ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tấn H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số 256 ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2021, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H qua tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, ông bà được Ủy ban nhân dân Ph 1, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2001.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình cả hai không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ. Bà Ng có khuyên nhiều lần và tỏ ý muốn giải quyết khúc mắc nhưng ông H không sửa đổi; từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không thể hàn gắn được. Từ tháng 10 năm 2017 bà và ông H đã sống ly thân cho đến nay.

Nay, bà Ng xác định không còn tình cảm với ông H, bà N không thể tiếp tục chung sống với ông H. Do đó, bà Ng yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: 02 con chung tên Lê Tuấn C, sinh ngày 14/3/1997 và Lê Nguyễn Ng, sinh ngày 04/6/2000, hiện các con đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên bà Ng không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tấn H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng ông H không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án. Sau đó Tòa án niêm yết triệu tập họp lệ đến Tòa để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/11/2021, ngày 07/12/2021 nhưng ông H vẫn không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành hòa giải được. Vào ngày 03/12/2021 Tòa án đến tận nhà tiếp xúc ghi lời khai, ông H trình bày mâu thuẫn gia đình xuất phát từ việc bà Ng đi làm có thu nhập riêng và giao tiếp nhiều người từ đó về hay cự cãi với ông. Dù hai vợ chồng sống chung nhà nhưng mỗi người tự lo riêng không quan tâm đến nhau nữa, ông H có ý kiến không đồng ý ly hôn với bà Ng do ông vẫn còn tình cảm với bà Ng. (BL 20).

Phiên tòa hôm nay, ông H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông H tiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông H vắng mặt

mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo đúng quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ng về việc xin ly hôn ông H. Về con chung: 02 con chung tên Lê Tuấn Cg, sinh ngày 14/3/1997 và Lê Nguyễn Ng, sinh ngày 04/6/2000, hiện các con đã trưởng thành nên bà Ng, ông H không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của bà và ông H. Bị đơn ông Lê Tấn H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lê Tấn H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ng đồng ý

và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng và ông H chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Ph 1, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/9/2001, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.1 Xét yêu cầu của bà Ng về việc yêu cầu ly hôn ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Bà Ng cho rằng ông H thường xuyên ghen tuông vô cớ, bà Ng có khuyên nhiều lần và tỏ ý muốn giải quyết khúc mắc nhưng ông H không sửa đổi. Đồng thời tính tình của cả hai không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Do đó, cả hai đã ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết ông H có ý kiến không đồng ý ly hôn với bà Ng nhưng lại không có động thái hàn gắn tình cảm với bà Ng.

[2.2] Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Ly hôn theo yêu cầu của một bên:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[2.3] Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Thế nhưng, ông H không quan tâm, chia sẻ với bà Ng, bà Ng đã nhiều lần khuyên can nhưng ông không sửa đổi, từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Ng và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc bà Ng kiên yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ để chấp nhận.

Riêng, đối với ông H sau khi Tòa án thụ lý vụ án ông có lời khai trình bày muốn đoàn tụ chung sống với bà Ng nhưng khi Tòa án triệu tập ông H đến

Tòa đề tổ chức hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ thì ông không đến Tòa để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa ngày 17 tháng 3 năm 2022 và phiên tòa hôm nay ông H vẫn không có mặt, thể hiện ông H không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của bà Ng tại Tòa việc ông nói còn tình cảm với bà Ng chỉ là lời nói suôn không thật lòng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng đối với ông Lê Tấn H.

[3] Về nuôi con chung: Do 02 con chung tên Lê Tuấn C, sinh ngày 14/3/1997 và Lê Nguyễn Ng, sinh ngày 04/6/2000, hiện các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được và bà Ng, ông H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Ng, ông H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Ng là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận bà Nguyễn Thị Ng ly hôn ông Lê Tấn H.

2. Về con chung: Do 02 con chung tên Lê Tuấn C, sinh ngày 14/3/1997 và Lê Nguyễn Ng, sinh ngày 04/6/2000, hiện C và Ng đã trưởng thành tự lao

động sinh sống được và bà Ng, ông H không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn và bị đơn trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp ngày 15/4/2021 theo biên lai số 0013370 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí. Như vậy bà Ng đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn (bà Ng) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn (ông H) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- UBND ph 1, Tp. Sc, Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.^(p)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Phong